TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2025/DS-PT
Ngày 22 tháng 12 năm 2025
"V/v tranh chấp yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu thanh toán chi phí cấp, chuyển nhượng, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điêu Thị Bích Lượt.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Khắc Chiên;
Ông Phạm Tuấn Anh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phùng Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa***: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2025/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc: "Tranh chấp yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu thanh toán chi phí cấp, chuyển nhượng, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2025/DS-ST ngày 11/7/2025 của Toà án nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 235/2025/QĐ-PT ngày 26/11/2025 và quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Đình P, sinh năm 1950.
Địa chỉ: Xóm 6, xã Đ, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Bà Trần Thị Y, sinh năm 1959.
Địa chỉ: Tổ 23A, khu 3, phường N, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Bà Tạ Thị Phương L, sinh năm 1972
Địa chỉ: Tổ 47, khu L, phường N, tỉnh Phú Thọ.
- Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1950.
- Anh Phan Văn H, sinh năm 1985.
Cùng địa chỉ: Xóm 6, xã Đ, tỉnh Nghệ An.
- Chị Phan Thị Thu M, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Xóm 6, xã T, tỉnh Nghệ An
- Chị Phan Thị Thu H1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 124, Vũ Tông P, tổ 23, phường V, thành phố Đà Nẵng.
(Bà Y, bà L có mặt, những người tham gia tố tụng khác vắng mặt)
Người kháng cáo: Bà Trần Thị Y – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, những lời trình bày tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn ông Phan Đình P trình bày:

Theo Quyết định 498/QĐ-UB của Uỷ ban nhân dân thành phố V1, tỉnh Vĩnh Phú (nay là tỉnh Phú Thọ) ngày 08/10/1992 đã đồng ý giao đất hợp thức cho 171 hộ thuộc phường N trong khu dân cư đã được phê duyệt quy hoạch, địa điểm: Khu tự xây nhà máy dệt có danh sách kèm theo. Trong 171 hộ được giao đất có hộ gia đình ông. Tại thời điểm giao đất hộ gia đình ông có 5 nhân khẩu gồm: Phan Đình P, Nguyễn Thị L2 là vợ ông và 3 con là: Phan Thị Thu M sinh năm 1980, Phan Thị Thu H1, sinh năm 1983 và Phan Văn H, sinh năm 1985. Thửa đất gia đình ông được giao có địa chỉ tại khu 3, phường N, tỉnh Phú Thọ với diện tích 164,3m^2. Do điều kiện gia đình khó khăn, ông bị bệnh nặng không còn lao động được, vợ ông một mình lao động không đủ mức sinh hoạt cho cả gia đình nên gia đình ông không làm được nhà nữa và đã nhượng lại cho bà Nguyễn Thị Oanh cũng là công nhân nhà máy dệt phần diện tích đất được giao. Sau đó, bà Oanh có nhượng thửa đất trên đất cho bà Tạ Thị Phương L. Sau đó bà L lại nhượng cho bà Trần Thị Y một nửa và còn lại một nửa bà L sử dụng. Đến năm 2003, khi bà L nhượng cho bà Y 1 nửa thửa đất trên thì cả bà L và bà Y có vào nhà ông để bảo ông làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. Do điều kiện ở xa đi lại khó khăn nên ông để bà Y, bà L đứng ra làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông và đã uỷ quyền cho ông Ban đứng ra làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Y và bà L. Sau khi làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông, thì bà Y làm thủ tục tách thành 02 thửa: 01 thửa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Y và 01 thửa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông. Sau đó bà Y vẫn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Y phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chủ hộ là ông Phan Đình P đối với thửa đất 112, tờ bản đồ số 10, diện tích 83,4m^2 tại khu 3, phường N, tỉnh Phú Thọ. Còn đối với yêu cầu phản tố của bà Y, ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông không nhận của bà Y số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) vào năm 2003.

Do điều kiện ở xa nên ông uỷ quyền cho bà Tạ Thị Phương L, sinh năm 1972, nơi thường trú: Khu L, phường N, tỉnh Phú Thọ đứng ra giải quyết vụ án. Bà L có toàn quyền quyết định nội dung vụ án và nhận văn bản tố tụng của Toà.

Bị đơn bà Trần Thị Y trình bày:

Bà đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 112, tờ bản đồ số 10, diện tích 83,4 m^2 tại tổ 23A, khu 3, phường N, tỉnh Phú Thọ do Uỷ ban nhân dân thành phố V1 cấp ngày 01/7/2004 cho hộ ông Phan Đình P. Bà

không mua đất trực tiếp của ông P. Ông P bán lại cho gia đình O L1, sau đó ông bà Oanh L1 bán lại cho bà Tạ Thị Phương L. Bà mua lại ½ thửa đất số 112, tờ bản đồ số 10 của bà L. Song giấy tờ không hợp lệ, bà đã phải chạy vạy để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi bà làm thành bìa đỏ, ông P đã thu của bà là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) thì ông mới hợp tác với bà. Ông mới cung cấp mọi thông tin về ông, còn mọi việc quan hệ với các cơ quan bà tự đi làm, mọi chi phí bà đều chịu bìa đỏ mang tên Phan Đình P cấp năm 2003. Sau đó, ông P làm giấy ủy quyền để tách một nửa diện tích đất cho bà và một nửa tách cho bà L. Sau đó, bà L không hợp tác nên bà tách một nửa cho bà còn một nửa mang tên ông Phan Đình P. Trong quá trình bà đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phan Đình P năm 2003 hết 05 (năm) cây vàng vì số vàng này bà đi vay nay bà muốn nhận lại hai cây. Bà đã nhận ba cây số chịu thiệt về bà và thoả thuận thuế chuyển nhượng hai bên cùng chịu nhưng chưa trả. Nay ông P kiện bà cầm bìa đỏ mang tên ông quan điểm của bà là không đồng ý vì tại sao ông không làm bìa đỏ mang tên ông. Ông P đã nhận của bà số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) (Vì ông không bán cho bà nên ông không hợp tác) trị giá bằng hai cây vàng. Sau 20 năm không hỗ trợ bà số tiền bà đã đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay ông Phan Đình P khởi kiện yêu cầu bà trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất số 112, tờ bản đồ số 10, diện tích 83.4m^2. Bà yêu cầu ông chứng minh ông bán đất cho bà khi nào. Ông đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi nào. Bà cũng không nhặt được với lý do gì ông đòi bà phải trả, với lý do gì mà ông khởi kiện bà. Bà yêu cầu phản tố buộc ông Phan Đình P phải trả bà 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) thì bà sẽ trả bìa đỏ cho ông P.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L, chị M, chị H, anh H, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Tạ Thị Phương L trình bày:

Năm 1997, bà có mua thửa đất tại khu 3, phường N, tỉnh Phú Thọ của vợ chồng ông bà Oanh L1. Nguồn gốc của đất là 164,3m^2 của ông Phan Đình P được nhà máy dệt và Uỷ ban nhân dân thành phố V1 cấp theo quyết định cấp cho 171 hộ (Quyết định chung). Sau đó ông P về quê và chuyển nhượng cho ông bà Oanh L1 vào năm 1992. Đến tháng 01/2003, do hoàn cảnh khó khăn, bà có nhượng lại một nửa cho bà Trần Thị Y ở phường N, tỉnh Phú Thọ với chiều dài là 18m, rộng là 4m tổng diện tích là 72m^2. Việc chuyển nhượng này đều là giấy tờ viết tay, không qua công chứng vì đều chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi bán cho bà Y thì bà và bà Y có vào gia đình ông P để lấy các giấy tờ của gia đình ông P để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông P và sau đó sẽ tách ra cho bà và bà Y. Do thời điểm đó bà sắp sinh nở, đi lại không thuận tiện nên bà đã giao hết giấy tờ có liên quan đến thửa đất trên cho bà Y vào Nghệ An, làm thủ tục cấp bìa đến tên người chủ cũ đầu tiên. Đến khi làm thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P thì bà Y chỉ tách sang tên của bà Y và không tách cho bà, đồng thời giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P phần đất còn lại mà bà đang sử dụng. Nay ông P khởi kiện yêu cầu bà Y trả

lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông P và bà Y có yêu cầu phản tố buộc ông P phải trả 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), quan điểm của bà đồng ý với đơn khởi kiện của ông P buộc bà Y phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn yêu cầu của bà Y buộc ông P phải trả 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), bà không đồng ý, mặc dù bà Y đứng ra làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P nhưng chi phí làm thủ tục đó không đến 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), bà đề nghị tòa án xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà chỉ đồng ý trả cho bà Y 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị L2, chị Phan Thị Thu H1, chị Phan Thị Thu M và anh Phan Văn H trình bày:

Đều nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông P đã trình bày. Còn đối với yêu cầu phản tố của bà Y đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Do điều kiện ở xa nên bà và các anh chị đều uỷ quyền cho bà Tạ Thị Phương L, sinh năm 1972, nơi thường trú: Khu L, phường N, tỉnh Phú Thọ đứng ra giải quyết vụ án. Bà L có toàn quyền quyết định nội dung vụ án và nhận văn bản tố tụng của Toà.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ tại Uỷ ban nhân dân thành phố V1 là toàn bộ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Đình P và bà Trần Thị Y.

Tại phiên toà:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L, chị M, chị H, anh H và đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị Phương L trình bày: Bà vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện của ông P là yêu cầu bà Y trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 112, tờ bản đồ số 10, diện tích 83,4m^2 tại khu 3, phường N, tỉnh Phú Thọ đã được Uỷ ban nhân dân thành phố V1 cấp ngày 01/7/2004 cho hộ ông Phan Đình P.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Y buộc ông P phải trả toàn bộ chi phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông P năm 2003, chí phí chuyển nhượng và cấp đổi sang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004 đứng tên hộ ông P, quan điểm của bà đồng ý trả nhưng chi phí đó không lớn, bà Y là người đứng ra giao dịch thực tế và nộp chi phí nên bà đồng ý trả cho bà Y là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Gia đình ông P không nhận của bà Y số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) vào năm 2003.

Bị đơn bà Trần Thị Y trình bày: Bà vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của ông P. Đối với yêu cầu phản tố, bà thay đổi yêu cầu phản tố yêu cầu hộ ông P phải trả cho bà 05 (Năm) cây vàng 9999. Ngoài các tài liệu, chứng cứ, bà đã giao nộp cho Toà án đến nay, bà không giao nộp được thêm tài liệu, chứng cứ gì chứng minh bà đưa cho ông P 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) vào năm 2003 và các chi phí liên quan đến việc làm thủ tục cấp, chuyển nhượng và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông P. Giữa bà và ông P không có giao dịch gì liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử

dụng mà ông P đang khởi kiện. Bà hiện nay vẫn giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông P đang khởi kiện. Đề nghị Toà án giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho bà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2025/DS-ST ngày 11/7/2025, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ Điều 5, khoản 2, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 5 điều 147; khoản 2 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 105, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 357; Điều 513, Điều 514, Điều 515, Điều 516, Điều 519; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đình P: Buộc bà Trần Thị Y trả lại cho ông Phan Đình P (là chủ hộ) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 760790 do Uỷ ban nhân dân thành phố V1, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 01/07/2004 cho chủ hộ Phan Đình P đối với quyền sử dụng đất diện tích 83,4m^2 thửa đất số 112, tờ bản đồ số 10 tại khu 3, phường N, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nhưng người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thì người được thi hành án có quyền liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thay thế cho Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận 1 phần yêu cầu phản tố của bà Trần Thị Y: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan Đình P, bà Nguyễn Thị L2, chị Phan Thị Thu H1, chị Phan Thị Thu M và anh Phan Văn H thanh toán cho bà Trần Thị Y chi phí làm thủ tục để được cấp, chuyển nhượng và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên các quyền, nghĩa vụ khác của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/7/2025, bà Trần Thị Y kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 11/7/2025 của TAND khu vực 1 - Phú Thọ theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đình P bởi các lý do:

Thứ nhất: Bà Trần Thị Y cho rằng bà không mua đất của ông Phan Đình P, nên bà không đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P.

Thứ hai: Bà Trần Thị Y không đồng ý bản án tuyên ông P trả cho bà 15.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trần Thị Y là bị đơn và bà Tạ Thị Phương L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất thỏa thuận:

1. Ngoài số tiền 15.000.000đồng mà bản án sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan Đình P, bà Nguyễn Thị L2, chị Phan Thị Thu H1, chị Phan

Thị Thu M và anh Phan Văn H thanh toán cho bà Trần Thị Y, tại phiên tòa phúc thẩm bà Tạ Thị Phương L tự nguyện hỗ trợ thêm cho bà Trần Thị Y số tiền 35.000.000đồng. Tổng cộng số tiền bà Y được thanh toán là 50.000.000đồng. Bà Tạ Thị Phương L đã thanh toán cho bà Trần Thị Y số tiền 50.000.000đồng tại phiên tòa phúc thẩm (có biên bản giao nhận tiền giữa bà L, bà Y lưu hồ sơ vụ án).

2. Bà Trần Thị Y có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 760790 do Uỷ ban nhân dân thành phố V1, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 01/07/2004 đối với thửa đất số 112, tờ bản đồ số 10, diện tích 83,4m^2 tại khu 3, phường N, tỉnh Phú Thọ cho chủ hộ ông Phan Đình P (Ông P vắng mặt tại phiên tòa, bà Y nộp lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Tòa án. Ông P nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Y trả lại tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Y, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2025/DS-ST ngày 11/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ theo hướng công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

(Chi tiết tại bài phát biểu của Kiểm sát viên lưu hồ sơ vụ án).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bà Trần Thị Y là bị đơn trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét nội dung kháng cáo theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Y là bị đơn và bà Tạ Thị Phương L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất thỏa thuận:

1. Ngoài số tiền 15.000.000đồng mà bản án sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan Đình P, bà Nguyễn Thị L2, chị Phan Thị Thu H1, chị Phan Thị Thu M và anh Phan Văn H thanh toán cho bà Trần Thị Y, tại phiên tòa phúc thẩm bà Tạ Thị Phương L tự nguyện hỗ trợ thêm cho bà Trần Thị Y số tiền 35.000.000đồng. Tổng cộng số tiền bà Y được thanh toán là 50.000.000đồng. Bà Tạ Thị Phương L đã thanh toán cho bà Trần Thị Y số tiền 50.000.000đồng tại phiên tòa phúc thẩm (Có biên bản giao nhận tiền giữa bà L, bà Y lưu hồ sơ vụ án).

2. Bà Trần Thị Y có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 760790 do Uỷ ban nhân dân thành phố V1, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 01/07/2004 đối với thửa đất số 112, tờ bản đồ số 10, diện tích 83,4m^2 tại khu 3, phường N, tỉnh Phú Thọ cho chủ hộ ông Phan Đình P (Ông P vắng mặt tại phiên tòa, bà Y nộp lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Tòa án.

Ông P nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Y trả lại tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ).

Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bà Y được chấp nhận, nên bà Y không phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Y, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với pháp luật, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1]. Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Y. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2025/DS-ST ngày 11/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Phú Thọ theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Căn cứ Điều 5, khoản 2, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 5 điều 147; khoản 2 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 105, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 357; Điều 513, Điều 514, Điều 515, Điều 516, Điều 519; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Trần Thị Y là bị đơn và bà Tạ Thị Phương L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất thỏa thuận:

1. Ngoài số tiền 15.000.000đồng (mười lăm triệu đồng) mà bản án sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan Đình P, bà Nguyễn Thị L2, chị Phan Thị Thu H1, chị Phan Thị Thu M và anh Phan Văn H thanh toán cho bà Trần Thị Y, tại phiên tòa phúc thẩm bà Tạ Thị Phương L tự nguyện hỗ trợ thêm cho bà Trần Thị Y số tiền 35.000.000đồng (Ba mươi lăm triệu đồng). Tổng cộng số tiền bà Y được thanh toán là 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng). Bà Tạ Thị Phương L đã thanh toán cho bà Trần Thị Y số tiền 50.000.000đồng tại phiên tòa phúc thẩm (có biên bản giao nhận tiền giữa bà L, bà Y lưu hồ sơ vụ án).

2. Bà Trần Thị Y có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 760790 do Uỷ ban nhân dân thành phố V1, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 01/07/2004 đối với thửa đất số 112, tờ bản đồ số 10, diện tích 83,4m^2 tại khu 3, phường N, tỉnh Phú Thọ cho chủ hộ ông Phan Đình P (Ông P vắng mặt tại phiên tòa, bà Y nộp lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Tòa án. Ông P nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Y trả lại tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ).

[2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Y không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND khu vực 1-Phú Thọ;
- P. THADS khu vực 1- Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Điêu Thị Bích Lượt